

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 24

31/07
C
TRẮC
D
VI
DỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn

Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Đồi	Ủy viên
Ông Phan Hồng Quân	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

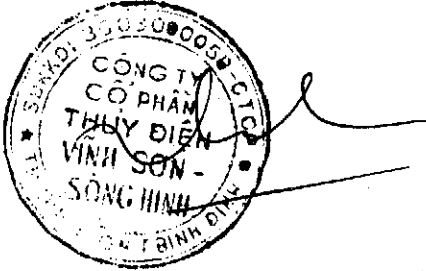
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty đã được Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

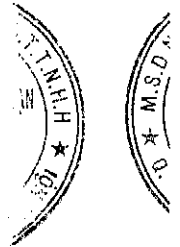
Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Thanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc



Số: 154 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 24. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ các vấn đề đề cập dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện của năm 2009.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

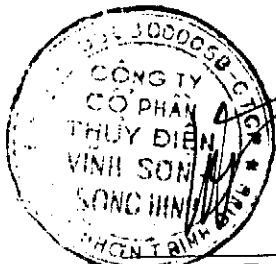
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.694.901.311.166	1.658.768.899.826
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	669.381.149.109	677.417.788.920
1. Tiền	111		17.381.149.109	20.417.788.920
2. Các khoản tương đương tiền	112		652.000.000.000	657.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	656.396.114.600	550.685.326.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		662.685.326.000	550.685.326.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.289.211.400)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		328.499.724.795	388.372.395.788
1. Phải thu khách hàng	131		74.997.343.894	167.736.868.225
2. Trả trước cho người bán	132	7	219.373.495.421	193.374.537.021
3. Các khoản phải thu khác	135		34.128.885.480	27.260.990.542
IV. Hàng tồn kho	140	8	40.175.753.266	42.156.769.027
1. Hàng tồn kho	141		48.141.442.776	50.122.458.537
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		448.569.396	136.620.091
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	36.120.091
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.212.396	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		381.357.000	100.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.418.182.950.287	1.370.061.747.129
I. Tài sản cố định	220		1.403.387.851.194	1.355.554.293.178
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.089.642.867.334	1.141.562.975.588
- Nguyên giá	222		2.918.142.365.388	2.911.580.842.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.828.499.498.054)	(1.770.017.866.530)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	313.744.983.860	213.991.317.590
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.003.823.783	11.720.973.049
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	12.003.823.783	11.720.973.049
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.791.275.310	2.786.480.902
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		176.873.631	172.079.223
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.614.401.679	2.614.401.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.113.084.261.453	3.028.830.646.955

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MÀU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		483.387.251.499	598.825.512.882
I. Nợ ngắn hạn	310		160.675.791.865	263.802.230.295
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	117.583.834.220	183.722.395.805
2. Phải trả người bán	312		9.044.083.318	15.811.655.958
3. Người mua trả tiền trước	313		-	150.573.000
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	26.552.869.197	27.798.397.110
5. Phải trả người lao động	315		1.859.893.281	5.406.855.036
6. Chi phí phải trả	316		3.117.897.022	2.742.506.634
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		174.787.602	25.323.435.620
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.342.427.225	2.846.411.132
II. Nợ dài hạn	330		322.711.459.634	335.023.282.587
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	322.546.829.045	334.833.684.573
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		164.630.589	189.598.014
B. NGUỒN VỐN	400		2.629.697.009.954	2.430.005.134.073
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.627.791.454.674	2.427.912.106.666
1. Vốn điều lệ	411	15	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	15	(47.117.531.962)	(47.117.531.962)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.704.006.653)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	26.880.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	567.820.533.289	364.237.178.628
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.905.555.280	2.093.027.407
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.905.555.280	2.093.027.407
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.113.084.261.453	3.028.830.646.955



Vũ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

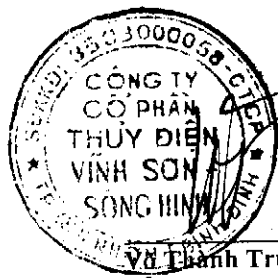
Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	269.806.005.160	231.211.587.998
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	78.657.834.521	92.644.535.140
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		191.148.170.639	138.567.052.858
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	69.065.871.121	44.226.033.686
5. Chi phí tài chính	22	19	28.541.324.517	2.287.414.377
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.882.862.393	1.928.927.126
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.476.974.575	5.559.904.094
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		226.195.742.668	174.945.768.073
8. Thu nhập khác	31		31.818.185	15.254.683
9. Chi phí khác	32		26.360.937	-
10. Lợi nhuận khác	40		5.457.248	15.254.683
11. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	41		767.630.734	677.853.576
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		226.968.830.650	175.638.876.332
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	20.404.017.198	-
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		206.564.813.452	175.638.876.332
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.021	852



Vũ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	226.968.830.650	175.638.876.332
2. Điều chỉnh cho các khoản:		16.664.398.088	33.952.139.782
- Khấu hao tài sản cố định	02	58.238.850.306	76.249.246.342
- Các khoản dự phòng	03	6.289.211.400	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	19.319.345.110	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(69.065.871.121)	(44.226.033.686)
- Chi phí lãi vay	06	1.882.862.393	1.928.927.126
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	243.633.228.738	209.591.016.114
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	86.117.008.208	(41.169.108.284)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	1.981.015.761	(1.157.031.599)
- (Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(12.726.688.685)	(12.193.507.289)
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	31.325.683	(66.438.210)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.095.759.597)	(3.966.897.599)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22.724.881.266)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	543.678.000	1.103.622.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(824.535.000)	(2.187.004.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	277.934.391.842	149.954.650.808
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(109.619.242.339)	(33.121.770.940)
2. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(332.000.000.000)	(460.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	220.000.000.000	430.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	62.303.758.762	41.184.397.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(159.315.483.577)	(21.937.373.550)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	52.096.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(101.448.768.876)	(15.459.136.093)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(25.206.779.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(126.655.548.076)	36.636.863.907
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.036.639.811)	164.654.141.165
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	677.417.788.920	196.280.817.110
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	669.381.149.109	360.934.958.275

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Thông tin bổ sung cho khoản phi tiền tệ:

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ bao gồm số tiền 19.574.404.677 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu nhưng chưa nghiệm thu giá trị công trình. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có một công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 126 người (31/12/2010: 125 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong năm của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát đến ngày lập báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 (Số năm sử dụng)
Tài sản	20 - 50
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 10
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán, thuộc mục Vốn chủ sở hữu. Hoạt động xây dựng cơ bản trong kỳ của Công ty là các hoạt động xây dựng các nhà máy thủy điện mới Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 3. Công ty có kế hoạch thành lập một công ty con để nhận và kinh doanh các Nhà máy thủy điện mới này khi hoàn thành. Số dư khoản mục chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán sẽ được chuyển cho công ty con này khi các Nhà máy thủy điện này hoàn thành và bắt đầu hoạt động. Các chênh lệch tỷ giá khác ngoài chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản đã đề cập ở trên được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc tin rằng việc ghi nhận như trên là phù hợp với bản chất của nghiệp vụ và hoạt động của Công ty và đang trong quá trình xin phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về việc kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái như đã đề cập.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, và Công văn số 1591/TC/T/DNHN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế trong 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25% theo các quy định hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	429.115.832	502.839.771
Tiền gửi ngân hàng	16.952.033.277	19.914.949.149
Các khoản tương đương tiền (i)	652.000.000.000	657.000.000.000
	669.381.149.109	677.417.788.920

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng hoặc dưới 3 tháng và khoản ủy thác trị giá 25 tỷ VND cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý, lãi suất từ 11% đến 14%/năm.

Như trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 130 tỷ VND để bảo đảm cho các khoản vay.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	632.000.000.000	520.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	130.000.000.000	20.000.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	2.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(6.289.211.400)	-
	656.396.114.600	550.685.326.000

- (i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số lượng cổ phiếu Công ty sở hữu là 3.011.866 cổ phiếu.

- (ii) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 11,2 đến 11,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán bao gồm chủ yếu khoản tạm ứng 121.850.083.095 VND cho tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G để thực hiện thiết kế và thi công tuyến năng lượng giai đoạn 2 - Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và các khoản tạm ứng cho các nhà thầu xây dựng thi công các hạng mục công trình dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng số tiền 87.866.882.356 VND.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.660.586.880	49.693.450.491
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.480.855.896	429.008.046
	<u>48.141.442.776</u>	<u>50.122.458.537</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>40.175.753.266</u>	<u>42.156.769.027</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	2.048.990.953	828.453.779	8.564.943	25.571.167	2.911.580.842
Tăng trong kỳ	-	-	625.819	957.918	1.583.737
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.977.786	-	-	-	4.977.786
Tại ngày 30/06/2011	<u>2.053.968.739</u>	<u>828.453.779</u>	<u>9.190.762</u>	<u>26.529.085</u>	<u>2.918.142.365</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	(979.320.163)	(769.896.943)	(1.542.312)	(19.258.448)	(1.770.017.866)
Khấu hao trong kỳ	(34.173.596)	(23.492.975)	(129.874)	(442.406)	(58.238.851)
Khác	-	-	(41.583)	(201.198)	(242.781)
Tại ngày 30/06/2011	<u>(1.013.493.759)</u>	<u>(793.389.918)</u>	<u>(1.713.769)</u>	<u>(19.902.052)</u>	<u>(1.828.499.498)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2011	<u>1.040.474.980</u>	<u>35.063.861</u>	<u>7.476.993</u>	<u>6.627.033</u>	<u>1.089.642.867</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.069.670.790</u>	<u>58.556.836</u>	<u>7.022.631</u>	<u>6.312.719</u>	<u>1.141.562.976</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 402.581.565.203 VND (31/12/2010: 425.077.951.337 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 401.321.701.792 VND (31/12/2010 là 392.559.815.335 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	213.991.317.590	127.712.344.219
Tăng	104.731.452.295	12.959.970.810
Kết chuyển sang tài sản cố định	(4.977.786.025)	-
Tại ngày 30 tháng 06	313.744.983.860	140.672.315.029

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn	-	5.374.696.606
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	253.481.432.208	170.932.786.399
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (ii)	55.674.755.022	36.335.273.789
Khác	4.588.796.630	1.348.560.796
	313.744.983.860	213.991.317.590

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kông Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.
- (ii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007. Công ty đã hoàn thành việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình, đã tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và đang tiến hành thi công các hạng mục đường vào công trình đầu mối.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch, khách sạn...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tổng tài sản của công ty liên kết	26.427.821.010	25.769.468.799
Tổng công nợ của công ty liên kết	2.284.973.497	2.195.508.523
Giá trị tài sản thuần	24.142.847.513	23.573.960.276
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết	1.780.456.516	1.296.329.279
	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
	đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu của công ty liên kết	8.454.070.408	7.753.756.047
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	1.747.127.237	1.743.299.585
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	767.630.734	677.853.576

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	63.350.083.095
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	36.958.145.556	36.958.145.556
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Phát triển Phú Yên	24.515.058.488	22.510.383.514
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	56.110.630.176	60.903.783.640
	117.583.834.220	183.722.395.805

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 542/2010/0002716 ngày 6/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài cho mục đích thanh toán chi phí thi công Dự án thủy điện Thượng Kon Tum. Lãi suất cho vay được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của ngân hàng cho vay cộng (+) lãi suất biên 2,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 50 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.804.903.980	1.919.702.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.404.017.198	22.724.881.266
Thuế tài nguyên	2.262.576.240	2.071.108.848
Các loại thuế khác	81.371.779	1.082.704.536
	<u>26.552.869.197</u>	<u>27.798.397.110</u>

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	211.740.229.045	205.680.743.037
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	91.306.600.000	109.652.941.536
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	19.500.000.000	19.500.000.000
	<u>322.546.829.045</u>	<u>334.833.684.573</u>

- (i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 2% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 3%/năm.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 402.581.565.203 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

- (ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") - chi nhánh Quy Nhơn bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 0018/HĐTĐ2-VIB412.10 ngày 8 tháng 6 năm 2010, thời hạn vay 60 tháng, hạn mức tín dụng là 52.096.000.000 VND, lãi suất vay: điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + lãi suất biên tối thiểu là 1,8% năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB theo từng thời kỳ. Khoản vay được tín chấp.
- Hợp đồng tín dụng số 0021/HĐTĐ2-VIB412-09 ngày 30 tháng 6 năm 2009, hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12/lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB theo từng thời kỳ. Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần bắt đầu từ tháng thứ 18. Khoản vay được tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 0025/HĐTD2-VIB412-09 ngày 24 tháng 9 năm 2009, hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng/lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB theo từng thời kỳ. Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Khoản vay được tín chấp.
 - Hợp đồng tín dụng số HĐ 0022/HĐTD2-VIB412.10 ngày 27 tháng 9 năm 2010, hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh của VIB cộng (+) biên độ tối thiểu 1,8%/năm. Khoản vay được hoàn trả 6 tháng /lần, ngày trả nợ gốc đầu tiên 06 tháng 03 năm 2011. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng.
 - Hợp đồng tín dụng số 0029/HĐTD2-VIB412.10 ngày 27 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền vay 3 triệu USD, thời hạn vay 48 tháng, gốc trả định kỳ 8/lần, lãi trả 6 tháng/lần. Lãi suất xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 3 tháng VND/USD của ngân hàng VIB cộng (+) lãi biên tối thiểu 1,6%. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 60 tỷ VND.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số BĐL.DN.02231210 ngày 26 tháng 12 năm 2010 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định, hạn mức tiền vay 262 tỷ VND cho mục đích đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 3. Thời hạn cho vay 120 tháng, ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, được cố định cho từng tháng. Lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của ngân hàng cho vay cộng phí biên 3,1%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 20 tỷ VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	80.625.688.664	83.414.167.154
Trong năm thứ hai	60.343.258.488	66.083.325.051
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	116.070.704.383	131.014.494.645
Sau năm năm	146.132.866.174	137.735.864.877
	<u>403.172.517.709</u>	<u>418.247.851.727</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	80.625.688.664	83.414.167.154
Số phải trả sau 12 tháng	<u>322.546.829.045</u>	<u>334.833.684.573</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	2.062.412.460.000	-	162.823.211.822
Lợi nhuận trong năm	-	-	302.412.762.434
Phát sinh trong năm	-	(47.117.531.962)	-
Cổ tức đã chia	-	-	(82.476.498.400)
Trích lập các quỹ	-	-	(16.470.452.000)
Khác	-	-	(2.051.845.228)
Số dư tại ngày 01/01/2011	2.062.412.460.000	(47.117.531.962)	364.237.178.628
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	206.564.813.452
Trích lập các quỹ (*)	-	-	(2.801.458.791)
Khác (**)	-	-	(180.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2011	2.062.412.460.000	(47.117.531.962)	567.820.533.289

(*): Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Quyết định của Hội đồng quản trị. Số tạm trích lập các quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi này sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

(**): Thù lao cho Chủ tịch Công ty và Ban kiểm soát tại Công ty con.

Cơ cấu vốn góp

	30/6/2011		31/12/2010	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	100,00	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. DOANH THU

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu bán điện (*)	269.532.236.160	231.211.587.998
Doanh thu dịch vụ khác	273.769.000	-
	269.806.005.160	231.211.587.998

- (*) Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện của năm 2009.

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	78.505.577.198	92.644.535.140
Giá vốn hoạt động khác	152.257.323	-
	78.657.834.521	92.644.535.140

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.439.774.501	1.154.435.004
Chi phí nhân công	8.002.193.174	6.310.411.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.246.204.485	76.232.999.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.425.419.063	1.311.648.543
Chi phí khác	17.447.963.112	12.535.455.298
	86.561.554.335	97.544.950.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng và ủy thác	69.065.871.121	40.611.794.486
Cổ tức được chia	-	3.614.239.200
	<u>69.065.871.121</u>	<u>44.226.033.686</u>
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	1.882.862.393	1.928.927.126
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.049.897.985	358.487.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.319.352.739	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.289.211.400	-
	<u>28.541.324.517</u>	<u>2.287.414.377</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	<u><u>40.524.546.604</u></u>	<u><u>41.938.619.309</u></u>

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND
Lợi nhuận trước thuế	226.968.830.650
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	767.630.734
Khác	200.806.272
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
Thu nhập chịu thuế	<u>226.000.393.644</u>
Trong đó:	
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	184.662.150.799
Thu nhập khác	41.338.242.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u><u>19.567.668.251</u></u>

Công ty đang tạm trích lập nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2011 là 20.404.017.198 VND. Nghĩa vụ thuế này sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho cả năm 2011.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	206.564.813.452	175.638.876.332
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	202.241.246	206.241.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>1.021</u></u>	<u><u>852</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 6 tháng 2 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng liên doanh số 89/2009/HĐ-VSHPC-LD với 03 nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý công trình giao thông vận tải Kon Tum, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam về việc thi công đường vào công trình đầu mối từ Km2 + 500 - Km20 thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 44.768.126.000 VND.

Ngày 4 tháng 9 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng số 772/2009/HĐ-VSH-Vimeco-Vina CTN với Công ty Cổ phần Vimeco và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình ngầm Việt nam về việc thi công cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm dẫn nước thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 124.014.274.000 VND.

Ngày 11 tháng 1 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 18/HĐ-VSH-CVCCH với Công ty Cổ phần Cavico về việc thi công xây dựng hầm giao thông và đoạn rẽ vào Nhà máy - Dự án thủy điện thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 111.958.725.000 VND.

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 885/2010/HD-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công tuyến năng lượng đoạn 2 dự án Thủy điện thượng Kom Tum với giá trị là 1.137.167.773.456 VND và 25.000.000 USD. Công ty đã tạm ứng 7,5% giá trị hợp đồng tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2011</u> <u>đến 30/6/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/6/2010</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	269.532.236.160	231.211.587.998
Lãi cho vay EVN	27.094.034.549	15.646.750.000
Lãi ủy thác đầu tư tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	1.918.819.444	4.358.087.500
Cổ tức		
Trả cổ tức năm 2009 bằng tiền cho EVN	25.206.779.200	-
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	484.780.000	-
Đầu tư		
Ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý	50.000.000.000	85.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	200.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.997.343.894	167.736.868.225
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	25.206.779.200
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	25.000.000.000	50.000.000.000


Thu nhập của Ban Giám đốc


Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

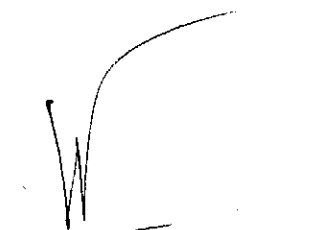
	<u>Từ 01/01/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/6/2011</u>	<u>đến 30/6/2010</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	846.455.164	1.092.888.367

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là các báo cáo tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.


Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc


Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng


Lê Văn Chương
Người lập

Ngày 15 tháng 8 năm 2011